

**PHẦN VĂN BẢN KHÁC**  
**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LÀO CAI**

Số: 430/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lào Cai, ngày 24 tháng 02 năm 2011

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội  
huyện Bát Xát đến năm 2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 46/2008/QĐ-TTg ngày 31/3/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lào Cai đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 03/2008/TT-BKH ngày 01/7/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn chi tiết lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Xét đề nghị của UBND huyện Bát Xát tại Tờ trình số 179/TTr-UBND ngày 20/10/2010 và ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 596/BC-SKH ngày 29/11/2010,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Bát Xát đến năm 2020, với những nội dung chủ yếu sau:

**I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN**

1. Nâng cao sức cạnh tranh kinh tế, tạo sức hấp dẫn trong thu hút đầu tư để nhanh chóng nâng cấp, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, nhất là mạng lưới giao thông, hệ thống thủy lợi, các cụm tiêu thủ công nghiệp.

2. Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế đi liền với nâng cao chất lượng tăng trưởng và tiến bộ công bằng xã hội; thực hiện tốt hơn các chính sách dân tộc, chính sách xoá đói giảm nghèo, chính sách cho các địa phương biên giới khó khăn trên địa bàn.

3. Đặt sự phát triển của Bát Xát trong bối cảnh hội nhập và cạnh tranh quốc tế; trong sự hợp tác chặt chẽ với các huyện, thành phố trong tỉnh Lào Cai để phát triển kinh tế có chất lượng và hiệu quả cao hơn.

4. Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường, cân bằng sinh thái; không làm tổn hại và suy thoái cảnh quan thiên nhiên.

5. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế và củng cố an ninh - quốc phòng, củng cố hệ thống chính trị và nền hành chính vững mạnh.

## **II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

Phấn đấu đến năm 2020, phát triển Bát Xát trở thành huyện phát triển khá của tỉnh Lào Cai; thị trấn Bát Xát được mở rộng và phát triển trở thành một đô thị loại IV, là trung tâm kinh tế lớn, đô thị hiện đại của tỉnh Lào Cai; trở thành địa bàn quan trọng về giao lưu kinh tế, phát triển công nghiệp, du lịch của tỉnh; các vấn đề văn hoá - xã hội được giải quyết tốt, môi trường sinh thái được bảo vệ, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm, chính trị ổn định, bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia.

### **2. Mục tiêu chủ yếu**

#### **2.1. Mục tiêu kinh tế:**

- Tốc độ tăng trưởng bình quân tổng sản phẩm trên địa bàn đạt 16,9%/năm giai đoạn 2011 - 2015 và 14,8%/năm giai đoạn 2016 - 2020;

- Phấn đấu tổng sản phẩm bình quân đầu người đạt 35,9 triệu đồng vào năm 2015 và đạt 72,9 triệu đồng vào năm 2020;

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng các ngành phi nông nghiệp. Đến năm 2015, tỷ trọng nông - lâm - thuỷ sản giảm còn 24,3%, công nghiệp - xây dựng đạt 54,7% và dịch vụ đạt 21%; đến 2020 cơ cấu tương ứng của các ngành đạt 15,5% - 57,2% - 27,3%.

#### **2.2. Mục tiêu xã hội:**

- Giai đoạn 2011 - 2015, phấn đấu tỷ lệ giảm sinh mỗi năm 0,4%; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đạt 1,4%/năm; giai đoạn 2016 - 2020 tăng bình quân 1,3%/năm; đến năm 2020 dân số của huyện đạt 82.728 người.

- Tốc độ tăng tỷ lệ dân số đô thị bình quân 20,5%/năm; và 22,5%/năm ở từng giai đoạn phát triển. Tỷ lệ dân số đô thị tăng từ 8,3% năm 2010 lên 19,7% năm 2015, và đạt 51,1% năm 2020.

- Đến năm 2015, phấn đấu 30% số xã đạt tiêu chí nông thôn mới; đến năm 2020, phấn đấu 60% số xã đạt tiêu chí nông thôn mới.

- Phấn đấu đến năm 2015 giảm tỷ lệ nghèo theo chuẩn mới còn dưới 5%; đến năm 2020, cơ bản không còn hộ nghèo.

- Giai đoạn 2011 - 2015, phấn đấu tạo việc làm mới bình quân mỗi năm cho khoảng 1,2 ngàn lao động; giai đoạn 2016 - 2020 phấn đấu tạo việc làm mới bình quân mỗi năm cho khoảng 1,5 ngàn người.

- Đến năm 2015: Phấn đấu 100% xã, thị trấn và trên 95% số hộ có điện quốc gia; và cơ bản tất cả số hộ có điện sau năm 2016.

- Đến năm 2015, phấn đấu tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt trên 30%; đến năm 2020 tỷ lệ này đạt trên 75%.

- Đến năm 2015, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm xuống còn dưới 20%; đến năm 2020 giảm còn dưới 10%.

- Công tác an ninh - quốc phòng, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

### 2.3. Mục tiêu bảo vệ môi trường:

- Đến năm 2015, phấn đấu tỷ lệ che phủ của rừng là 55%; đến năm 2020, tỷ lệ che phủ của rừng là 65%.

- Đến năm 2015, phấn đấu cơ bản dân cư thành thị được sử dụng nước sạch; trên 90% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh; đến năm 2020 phấn đấu cơ bản dân số nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh.

- Đến năm 2015, cơ bản các cụm tiểu thủ công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung; trên 90% chất thải rắn được thu gom xử lý; cơ bản chất thải y tế được xử lý; đến năm 2020 phấn đấu 100% chất thải rắn được thu gom và xử lý.

## **III. MỤC TIÊU, PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC**

### **1. Ngành công nghiệp - xây dựng**

#### a) Mục tiêu phát triển:

- Giai đoạn 2011 - 2015, phấn đấu đưa VA ngành công nghiệp - xây dựng (CN - XD) tăng bình quân trên 23,7%/năm; đối với ngành công nghiệp, phấn đấu tốc độ tăng trưởng GTSX đạt trên 25,5%/năm.

- Giai đoạn 2016 - 2020, phấn đấu đưa VA ngành CN - XD tăng bình quân trên 17,1%/năm; đối với ngành công nghiệp, phấn đấu tốc độ tăng trưởng GTSX đạt trên 19,2%/năm.

#### b) Phương hướng phát triển:

- Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp sử dụng nguyên liệu tại chỗ như khai thác và chế biến khoáng sản; chế biến nông, lâm sản; vật liệu xây dựng; thuỷ điện.

- Chú trọng phát triển công nghiệp phụ trợ để từng bước tham gia vào chuỗi giá trị sản xuất công nghiệp của các khu công nghiệp (KCN) của tỉnh như KCN Tầng Loồng, Đông Phố Mới, Bắc Duyên Hải....

- Thu hút đầu tư, nhanh chóng hoàn thiện cơ sở hạ tầng các cụm TTCN phục vụ phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề.

- Triển khai hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản có hiệu quả ở các mỏ và các điểm mỏ trên địa bàn.

- Phát triển các nghề và làng nghề tiểu thủ công nghiệp để tận dụng nguồn nguyên liệu và nguồn nhân công tại chỗ, trực tiếp tạo công ăn việc làm và tăng thu nhập cho người lao động.

- Chú trọng sự phát triển bền vững, giải quyết tốt các vấn đề về an toàn môi trường ngay trong công tác quy hoạch và điều hành để có được sự phát triển bền vững, không để xảy ra các sự cố môi trường sinh thái.

- Phát triển nghề sản xuất, sửa chữa các mặt hàng cơ khí nhỏ; dịch vụ lắp đặt điện tử, điện lạnh, các cơ sở sửa chữa nhỏ tại các thị trấn, thị tứ, trung tâm cụm xã để đáp ứng tốt cho nhu cầu tại chỗ của người dân.

- Phát triển các cơ sở sản xuất gỗ theo hướng sản xuất các mặt hàng có chất lượng và giá trị kinh tế cao như các sản phẩm gia dụng (bàn, nghề, tủ), các sản phẩm trang trí nội thất (đèn, khung tranh, bình hoa...)

- Đầu tư nâng cấp, mở rộng các cơ sở chế biến chè, sơ chế cây thuốc lá, chế biến mủ cao su (sau năm 2015) gắn với quy hoạch vùng nguyên liệu.

- Ưu tiên đầu tư hoàn thiện, nâng cấp các nhà máy thuỷ điện hiện có để đến năm 2015, đáp ứng đủ nhu cầu điện năng hiện tại.

## 2. Đối với ngành nông, lâm nghiệp và thuỷ sản

### a) Mục tiêu phát triển:

- Giai đoạn 2011 - 2015, tốc độ tăng trưởng VA và giá trị sản xuất (GTSX) ngành nông, lâm nghiệp và thuỷ sản đạt 6,5%/năm và 8,7%/năm, trong đó, tăng trưởng VA ngành nông nghiệp tăng 6,0%/năm, lâm nghiệp tăng 8%/năm và ngành thuỷ sản tăng 6,1%/năm.

- Giai đoạn 2016 - 2020, tốc độ tăng trưởng VA và GTSX ngành nông, lâm nghiệp và thuỷ sản đạt 5,5%/năm và 7,5%/năm, trong đó, tăng trưởng VA ngành nông nghiệp tăng 5,0%/năm, lâm nghiệp đạt 7,1%/năm và ngành thuỷ sản tăng 5,2%/năm.

### b) Phương hướng phát triển:

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá, tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi trên cơ sở phát triển chăn nuôi làm mũi nhọn trong chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp.

- Tập trung phát triển vùng chuyên canh sản xuất quy mô lớn đối với các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao như thuốc lá, chuối, cao su... Đảm bảo cung ứng 80% nhu cầu về các loại giống tốt trên địa bàn huyện.

- Phát triển chăn nuôi đại gia súc, trong đó thực hiện quy hoạch vùng chăn nuôi, chuyển nhanh sang phương thức chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hình thức công nghiệp và bán công nghiệp.

- Tận dụng mặt nước sông, suối, các hồ thủy điện; chuyển diện tích ruộng trồng lúa nước có hiệu quả canh tác thấp sang nuôi trồng thuỷ sản.

- Phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững với quy mô hợp lý; nâng cao chất lượng, hiệu quả kinh tế rừng. Quy hoạch chi tiết các loại rừng, trong đó ưu tiên phát triển rừng sản xuất tạo đầu vào cho công nghiệp chế biến nông, lâm sản, chú trọng bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn.

- Củng cố, mở rộng các cơ sở chế biến gắn với quy hoạch phát triển vùng nguyên liệu như chè, cây ăn quả, bột giấy...; tìm kiếm thị trường tiêu thụ nông, lâm sản cho nông dân.

- Đến năm 2015, quy hoạch vùng trồng thuốc lá: Phấn đấu trồng 35 ha thuốc lá vào năm 2015 và đến 2020 trồng trên 500 ha cây thuốc lá. Phát triển diện tích trồng cây cao su ở những xã có điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng phù hợp với cây cao su (5.000 ha).

- Xây dựng các chương trình, dự án trọng điểm để đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp như xây dựng cơ sở hạ tầng cho vùng trồng rau quả, chè... theo quy trình công nghệ cao.

- Ứng dụng khoa học, kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất: Chọn lọc và đưa vào sản xuất cây, con giống có năng suất cao, phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng.

- Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển nông, lâm nghiệp và thuỷ sản, trong đó ưu tiên thuỷ lợi, giống cây, con, cơ sở chế biến nông, lâm sản và ngành nghề nông thôn.

- Tiếp tục thực hiện chính sách khuyến nông, khuyến lâm, kiên cố hoá kênh mương, chính sách trợ cước, trợ giá và tiêu thụ sản phẩm, trợ cước vận chuyển vật tư, phân bón.... trong sản xuất nông nghiệp.

- Đẩy mạnh hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, đặc biệt là khuyến nông xã; mở rộng hình thức khuyến nông tự nguyện.

### **3. Phương hướng phát triển các ngành dịch vụ**

#### a) Mục tiêu phát triển ngành dịch vụ:

- Giai đoạn 2011 - 2015, phấn đấu tăng trưởng VA ngành dịch vụ đạt 22,6%/năm; doanh thu dịch vụ thương mại và du lịch đạt 23,4%/năm, trong đó doanh thu dịch vụ thương mại: 23,2%/năm, doanh thu dịch vụ du lịch phấn đấu đạt 24,5%/năm.

- Giai đoạn 2016 - 2010, phấn đấu tăng trưởng VA ngành dịch vụ đạt 18%/năm; doanh thu dịch vụ thương mại và du lịch đạt 20,4%/năm, trong đó doanh thu dịch vụ thương mại: 20,6%/năm, doanh thu dịch vụ du lịch phấn đấu đạt 19,2%/năm.

b) Phương hướng phát triển dịch vụ thương mại:

- Nâng cấp, đầu tư phát triển hệ thống trung tâm thương mại, siêu thị, chợ, cửa hàng; hình thành các trung tâm thương mại, các chợ đầu mối phát luồng tại các vị trí trọng điểm về thương mại trên địa bàn.

- Củng cố và hình thành hệ thống dịch vụ thương mại nông thôn bao gồm mạng lưới chợ, cửa hàng và các hợp tác xã dịch vụ thương mại; chú trọng phát triển các chợ đầu mối tiêu thụ nông sản, chợ trung tâm xã, chợ xã, chợ biên giới. Phấn đấu đến năm 2015, cơ bản xoá các chợ tạm và đầu tư phát triển các chợ mới ở các khu vực nhân dân có nhu cầu tổ chức chợ.

- Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, dịch vụ và đầu tư, tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm, đăng ký nhãn hiệu, thương hiệu sản phẩm.

c) Phương hướng phát triển dịch vụ du lịch:

- Phát triển để từng bước đưa ngành du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn với các sản phẩm tiêu biểu là du lịch văn hóa dân tộc, lễ hội truyền thống, du lịch sinh thái.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về du lịch; đẩy mạnh hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch, giới thiệu hình ảnh và con người Bát Xát với các nhà đầu tư, du khách trong và ngoài nước.

- Đến năm 2020, tập trung đầu tư động Mường Vi và Làng văn hóa du lịch dân tộc Hà Nhì (Ý Tý).

- Phát triển du lịch gắn liền với việc bảo vệ, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa, khu bảo tồn thiên nhiên.

- Tăng cường công tác đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ hoạt động du lịch.

#### **4. Phương hướng phát triển các lĩnh vực xã hội**

a) Giáo dục - đào tạo:

\* Mục tiêu phát triển:

- Giai đoạn 2011 - 2015, huy động tối đa trẻ em trong độ tuổi đến lớp, phấn đấu duy trì 99,9% trẻ em 6 tuổi đến trường.

- Duy trì vững chắc, nâng cao chất lượng công tác phổ cập giáo dục ở 23/23 xã, thị trấn; giai đoạn 2011 - 2015, phấn đấu 23/23 xã, thị trấn duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục (PCGD), trong đó phổ cập THCS tỷ lệ từ 80% trở lên, PCGD tiểu học đúng độ tuổi từ 90% trở lên. Sau năm 2015, 100% các xã, thị trấn thực hiện PCGD THCS bền vững.

- Đến năm 2015, phấn đấu 39% số trường học (30 trường) đạt chuẩn quốc gia; đến năm 2020, tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt 70%.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý chuẩn về trình độ quản lý, lý luận chính trị và chuyên môn; 100% cán bộ quản lý ứng dụng được công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục; 100% các đơn vị trường học xây dựng được các tổ Đảng trở lên.

- Phấn đấu đến năm 2015 có trên 95% phòng học được xây dựng kiên cố và bán kiên cố; đến năm 2020, 100% phòng học được xây dựng kiên cố.

\* Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

- Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động giáo dục và đào tạo nhằm huy động tối đa mọi nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

- Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ sự nghiệp giáo dục, trước mắt, hoàn thiện công trình Trường THPT Bát Xát tại Bản Vược, Mường Hum, Trịnh Tường, xây dựng trường PTDT Nội trú Mường Hum, Trịnh Tường, Ý Tý, nâng cấp trường nội trú trung tâm huyện đảm bảo quy mô 500 học sinh/trường.

- Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học, đẩy mạnh phổ cập giáo dục THCS.

- Quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị cho hệ thống trường học, phòng học các cấp, đáp ứng nhu cầu dạy và học.

- Tiếp tục xây dựng đội ngũ giáo viên giỏi theo hướng nâng cao trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn.

- Mở các lớp bồi dưỡng về kỹ thuật nuôi trồng thuỷ sản, chăn nuôi đại gia súc, trồng rau an toàn, trồng và chế biến thuốc lá đáp ứng nhu cầu xã hội cho nhân dân.

b) Y tế và chăm sóc sức khoẻ cộng đồng:

\* Mục tiêu phát triển:

- Đến năm 2015, phấn đấu tỷ lệ suy dinh dưỡng giảm còn 20%; tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ cho trẻ dưới 01 tuổi hàng năm đạt trên 98%; giảm tỷ suất tử vong mẹ xuống còn 70/100.000 ca đẻ sống; giảm tỷ lệ tử vong trẻ dưới 05 tuổi còn 23‰; giảm tỷ lệ tử vong trẻ dưới 01 tuổi còn 20‰; giảm mắc sốt rét còn 3‰.

- Đến năm 2015, phấn đấu phát hiện và quản lý 70% bệnh nhân Lao, người nhiễm HIV/AIDS; 100% các xã đạt chuẩn quốc gia y tế; hạ tỷ xuất sinh xuống còn 0,7‰; giảm tỷ lệ cặp vợ chồng sinh con thứ 3 dưới 3%.

- Đến năm 2020, phấn đấu trên 99,9% người dân được khám chữa bệnh BHYT; tỷ lệ suy dinh dưỡng giảm còn dưới 10%; tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ cho trẻ dưới 1 tuổi đạt 100%; giảm tỷ lệ tử vong trẻ dưới 5 tuổi còn 15‰; giảm tỷ lệ tử vong trẻ dưới 1 tuổi còn 10‰; giảm mắc sốt rét còn dưới 2‰.

- Đến năm 2015, phấn đấu xây dựng 100% các xã đạt chuẩn quốc gia y tế, cụ thể: Năm 2011 triển khai tại xã Bản Xèo, Pa Cheo; năm 2012 xây dựng tại xã Ý Tý, Ngải Thầu; năm 2013 tại Cốc San, Tòng Sành.

- Đến năm 2020, phát hiện và điều trị 90% bệnh nhân Lao, người nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng; mỗi năm giảm tỷ xuất sinh thô 0,7‰. Mỗi năm giảm tỷ

lệ sinh con thứ ba trở lên xuống dưới 3%; tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 1 tuổi giảm dưới 3%; tiêm chủng đầy đủ cho trẻ em dưới 1 tuổi hàng năm đạt 100%; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn 5%.

\* Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

- Đẩy mạnh công tác xã hội hoá công tác chăm sóc sức khoẻ nhân dân.
- Nâng cao trình độ kiến thức chuyên môn cán bộ y tế từ huyện đến xã.
- Tăng cường đầu tư xây dựng mới và nâng cấp các cơ sở khám chữa bệnh; cơ bản hoàn thành hệ thống khám chữa bệnh từ tuyến huyện đến tuyến xã theo quy hoạch ngành.

- Tiếp tục hoàn thiện y tế dự phòng; chủ động trong công tác giám sát ngăn ngừa, phòng chống dịch bệnh.

c) Sự nghiệp văn hoá, thông tin và thể dục, thể thao

\* Mục tiêu phát triển:

- Đến năm 2015, phấn đấu 70% hộ đạt chuẩn gia đình văn hoá; đến năm 2020, tỷ lệ này đạt 85%.

- Đến năm 2015, phấn đấu 60% số thôn, bản được công nhận danh hiệu văn hoá; phấn đấu 97% số cơ quan, trường học đạt danh hiệu văn hoá.

- Đến 2015, phấn đấu 35% thôn, bản có nhà văn hoá thôn, bản được xây dựng đồng bộ, trong đó vùng đặc biệt khó khăn và biên giới là 20%. Đến năm 2020 tỷ lệ này là 70%, trong đó vùng đặc biệt khó khăn và biên giới là 60%.

- Đến năm 2015, có 45% số trường học có đủ giáo viên chuyên trách TDTT; có 80% hướng dẫn viên, cộng tác viên xã được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ TDTT; có 50% hướng dẫn viên, cộng tác viên TDTT thôn, bản được tập huấn nghiệp vụ. Đến năm 2020, các tỷ lệ này lần lượt: 75%; 95%; 80%.

- Đến năm 2015, 95% số xã có quỹ đất xây dựng các công trình TDTT; 50% số xã được xây dựng các điểm tập luyện TDTT. Đến năm 2020, các tỷ lệ này lần lượt là 98% và 80%.

\* Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

- Phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, thực hiện tốt cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá.

- Tăng cường đầu tư xây dựng các hệ thống thiết chế văn hoá, ưu tiên đầu tư cho các thiết chế văn hoá phục vụ cộng đồng.

- Tăng cường xây dựng phong trào TDTT; đẩy mạnh công tác xã hội hoá hoạt động TDTT.

d) Phát thanh, truyền hình, truyền truyền báo chí:

\* Mục tiêu phát triển:

Đến năm 2015, phần đầu 100% số hộ được nghe đài, 100% số hộ được xem truyền hình; phần đầu thời lượng phát thanh của huyện tăng gấp 1,5 lần.

\* Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

- Tiếp tục nâng cao chất lượng, thời lượng phát thanh của huyện.

- Đầu tư, nâng cấp đài phát thanh huyện; tiếp tục đầu tư, cấp máy phát hình và trạm truyền thanh không dây cho các trạm trung tâm xã, cụm xã.

e) Về lao động, thương binh, xã hội:

\* Mục tiêu phát triển:

- Đến năm 2015, tốc độ giảm tỷ lệ hộ nghèo đạt 6%/năm; đến 2020, tốc độ giảm tỷ lệ hộ nghèo đạt 4%/năm.

- Đến năm 2015, phần đầu 100% số người trong độ tuổi lao động có nhu cầu học nghề được đào tạo và tỷ lệ đào tạo lao động có việc làm sau đào tạo đạt 80%. Số người sau đào tạo có việc làm có nhu cầu vay vốn giải quyết việc làm đạt 100% cho người có nhu cầu vay vốn.

- Đến năm 2015, 100% các trường mẫu giáo được lắp đặt trang thiết bị vui chơi ngoài trời; 100% các hộ nghèo có nhà tranh tre dột nát được làm nhà theo chính sách.

\* Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

- Tiếp tục thực hiện tốt chính sách chăm sóc người có công; chính sách bảo trợ xã hội; chính sách giảm nghèo; lao động việc làm; phòng chống tệ nạn xã hội; bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

- Triển khai xây dựng đề án giảm nghèo (2011 - 2015), đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn (2011 - 2020).

- Đầu tư trang thiết bị, phòng thực hành cho Trung tâm Dạy nghề của huyện.

## **5. Phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội**

a) Phát triển mạng lưới giao thông:

- Đầu tư xây dựng nâng cấp hệ thống đường liên xã dài 134 km nâng cấp từ đường cấp A/GTNT lên đường rải nhựa đạt tiêu chuẩn cấp 5.

- Xây dựng các công trình cầu chủ yếu trên địa bàn huyện như cầu Bản Xèo, cầu Nậm Pền (Mường Hum), cầu Dền Sáng, cầu tràn liên hợp Nậm Pung, cầu tràn liên hợp Trung Lèng Hồ và một số cầu khác đảm bảo ô tô đi được 4 mùa.

- Nâng cấp, rải mặt cấp phối các tuyến đường liên thôn trong huyện, xây dựng các công trình thoát nước, các công trình vượt suối.

- Tiến hành rải nhựa các tuyến đường nội thị trấn Bát Xát; các tuyến đường: Lào Cai - Bản Vược; Bản Vược - A Mú Sung; Bản Vược - Mường Hum; Mường Hum - Ý Tý - A Mú Sung, Bản Xèo - Ô Quý Hồ (Sa Pa).

- Xây dựng các tuyến đường xương cá dọc theo tuyến biên giới phục vụ nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hoá của dân cư.

- Phát triển các đường vành đai: Xuất phát từ thành phố Lào Cai đi theo tỉnh lộ 156 qua thị trấn Bát Xát đến Bản Vược - Trịnh Tường - A Mú Sung - Ý Tý - Dền Sáng - sang huyện Phong Thổ (Lai Châu).

b) Phát triển hệ thống thủy lợi, cấp thoát nước:

- Phấn đấu đến năm 2015, tỷ lệ diện tích được chủ động tưới tiêu vụ đông xuân đạt trên 95%, vụ mùa trên 85%.

- Nâng cấp, tu bổ các công trình đang bị xuống cấp, đẩy mạnh việc kiên cố hoá kênh mương và các công trình thuỷ lợi hiện có, xây dựng các hồ chứa nước vừa và nhỏ cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt dân cư.

- Xây dựng các công trình kè bờ sông biên giới chống xói lở, bảo đảm an toàn đường biên và sản xuất, đời sống của nhân dân, cụ thể: Kè Quang Kim, kè xã Trịnh Tường, kè Tùng Sáng 1 - A Mú Sung, kè Tùng Sáng 2 - A Mú Sung, kè Ma Cò - Nậm Chạc, kè Bản Mo - Trịnh Tường, kè Bản Trang - Cốc Mỳ.

- Làm mới các công trình thuỷ lợi Tây Bát Xát, đầu tư xây dựng các hồ chứa nước vừa và nhỏ ở các vùng cao, vùng sâu, vùng xa, biên giới nhằm cung cấp đủ nước tưới cho lúa, rau màu, cây công nghiệp, nước sinh hoạt dân cư.

- Xây dựng nhà máy nước tại Bản Vược, công suất 30.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm để cung cấp nước cho cụm TTCN và các xã, thị trấn lân cận; nâng cấp và xây mới các trạm cấp nước ở các xã, thị trấn, thị tứ trong huyện đảm bảo mỗi cụm 03 xã có 01 trạm cấp nước sạch với công suất 3.000 - 5.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

c) Phát triển mạng lưới điện:

- Cải tạo, nâng cấp đầu tư mới lưới 220KV, lưới 110KV, cụ thể: Đầu tư Trạm Biến áp 220/110/35KV-2x125MVA tại cụm TTCN Bản Vược để cung cấp điện cho cụm TTCN và xưởng luyện đồng, đồng thời là điểm nối lưới 110 KV của các nhà máy thuỷ điện trên địa bàn huyện.

- Tập trung đầu tư, xây dựng đường điện đến 65 thôn chưa có điện lưới như 07 thôn xã Sàng Ma Sáo, 05 thôn xã Cốc San, 07 thôn xã Cốc Mỳ, 05 thôn xã Bản Qua...

- Xây dựng hoàn chỉnh mạng lưới cấp điện cho các trung tâm đô thị (thị trấn, thị tứ, trung tâm cụm xã), các cụm TTCN (Bản Vược, Mường Hum và Quang Kim).

- Tạo điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư nhanh chóng hoàn thành các công trình thủy điện, gồm thuỷ điện Ngòi Phát, thuỷ điện Ngòi Xan và 19 công trình thủy điện nhỏ khác với tổng công suất 183,7 MW.

## **IV. PHƯƠNG HƯỚNG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN KINH TẾ - XÃ HỘI**

### **1. Phương hướng tổ chức phát triển trung tâm kinh tế, trực, tuyến động lực phát triển kinh tế**

- Vùng trung tâm, động lực phát triển kinh tế - xã hội của huyện bao gồm: Thị trấn Bát Xát (đô thị loại IV vào năm 2015), thị tứ Bản Vược (đô thị loại V vào năm 2015).

- Hành lang đô thị công nghiệp, dịch vụ thương mại và du lịch bao gồm các đô thị: Thị trấn Bát Xát, thị tứ Bản Vược, xã Quang Kim, Mường Hum, A Mú Sung.

- Trục phát triển kinh tế với an ninh - quốc phòng bao gồm: Thị trấn Bát Xát - Bản Vược - Trịnh Tường - A Mú Sung - Ý Tý - Dền Sáng.

### **2. Phát triển hệ thống đô thị, bố trí dân cư, nông thôn mới**

- Nâng cấp, mở rộng, phát triển thị trấn Bát Xát trở thành đô thị loại IV.

- Phát triển nâng cấp thêm 04 thị trấn bao gồm: Trịnh Tường, Ý Tý, Quang Kim, Mường Hum.

- Xây dựng các trung tâm cụm xã, các xã vùng sâu, vùng xa, đặc biệt là các xã biên giới gắn với việc bố trí lại dân cư trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn, tập trung vào đường giao thông liên thôn, hệ thống thuỷ lợi, cấp điện và nước sinh hoạt... tạo điều kiện thuận lợi để người dân khu vực nông thôn phát triển sản xuất.

### **3. Phương hướng tổ chức không gian ngành nông, lâm và thuỷ sản**

- Mở rộng diện tích nuôi trồng thuỷ sản đến năm 2015 đạt trên 250 ha ở các xã Quang Kim, Cốc San, Bản Qua, trong đó một số xã có khí hậu mát mẻ (xã Dền Sáng, Ý Tý...) sẽ tập trung phát triển nuôi cá có giá trị kinh tế cao như cá Hồi, cá Tâm nước lạnh.

- Quy hoạch mở rộng quy mô diện tích vùng sản xuất gạo chất lượng cao (khoảng 200 ha) tại xã Mường Vi.

- Quy hoạch vùng nấu rượu đặc sản tập chung: Rượu San Lùng tại xã Bản Xèo; rượu Nậm Pung tại xã Nậm Pung; rượu Sim San tại xã Ý Tý.

- Quy hoạch vùng chế biến chè tại các xã Mường Hum, Nậm Chạc.

- Quy hoạch vùng sản xuất hàng hoá tập trung:

+ Vùng nuôi trồng thuỷ sản khoảng 250 ha tại các xã Quang Kim, Cốc San, Trịnh Tường, Bản Qua.

+ Vùng Chè nguyên liệu khoảng 400 ha tại các xã Nậm Chạc, A Mú Sung, Sàng Ma Sáo, Mường Hum, A Lù, Dền Sáng, Dền Thàng.

+ Vùng trồng cây cao su trên 3.000 ha tại các xã A Mú Sung, Nậm Chạc, Trịnh Tường, Cốc Mỳ.

+ Vùng sản xuất lúa giống khoảng 200 ha tại xã Cốc San, Bản Qua.

+ Vùng trồng chuối khoảng 200 ha tập trung tại các xã A Mú Sung, Nậm Chạc, Quang Kim, Trịnh Tường, Cốc Mỳ, Bản Vược.

+ Vùng trồng cây thuốc lá khoảng 500 ha tập trung tại các xã A Mú Sung, Nậm Chạc, Trịnh Tường, Cốc Mỳ, Quang Kim, Bản Vược, Bản Qua.

+ Vùng trồng rau an toàn khoảng 200 ha tập trung tại các xã Cốc San, Quang Kim, Thị trấn, Bản Qua, Bản Vược.

#### **4. Phương hướng tổ chức không gian phát triển công nghiệp**

- Phát triển các cụm TTCN của huyện gắn với hệ thống khu công nghiệp của tỉnh để cùng phát huy được lợi thế so sánh của cả huyện và của tỉnh.

- Các cụm TTCN phục vụ hoạt động chế biến nông, lâm và thủy sản được bố trí gần hoặc trong vùng có nguyên liệu nhằm giảm chi phí vận chuyển và ảnh hưởng đến môi trường sống nhân dân.

- Các cụm TTCN thu hút các cơ sở thêu, dệt, may hàng thổ cẩm... được bố trí gần vùng dân cư đông đúc nhằm giảm chi phí đi lại cho công nhân, do đó giảm giá thành và tăng sức cạnh tranh sản phẩm.

- Giai đoạn 2011 - 2015: Tập trung đầu tư hạ tầng và lắp đầy cụm TTCN Bản Vược (rộng 29,6 ha); cụm TTCN Mường Hum và cụm TTCN Quang Kim. Mục tiêu các cụm TTCN này là thu hút các nhà chế biến nông, lâm sản; chế biến, tinh luyện khoáng sản...

- Giai đoạn 2016 - 2020, quy hoạch thêm 02 cụm TTCN gắn với các trục giao thông chính: Bản Vược - thị trấn Bát Xát - thành phố Lào Cai, cụ thể: (i) Dự kiến 01 cụm ở khoảng tiếp giáp giữa thị trấn Bát Xát - thành phố Lào Cai. Cụm TTCN này có cơ sở hạ tầng hiện đại nhằm phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ cho các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai; (ii) Quy hoạch xây dựng 01 cụm TTCN thu hút các doanh nghiệp trong lĩnh vực vật liệu xây dựng, cơ khí, sản xuất hàng xuất khẩu....

#### **5. Quy hoạch mạng lưới trung tâm thương mại (TTTM), siêu thị, cửa hàng tổng hợp**

- Trung tâm thương mại: Đến năm 2015, đầu tư xây dựng 01 Trung tâm thương mại tại thị trấn Bát Xát; đến năm 2020, phát triển thêm các trung tâm thương mại ở các thị trấn, thị tứ.

- Siêu thị: Giai đoạn 2011 - 2015, phát triển một số siêu thị tại các khu vực đô thị (thị trấn Bát Xát và một số thị tứ); giai đoạn 2016 - 2020, phấn đấu các thị trấn, thị tứ, các trung tâm cụm xã đều có siêu thị đạt tiêu chuẩn.

- Hệ thống chợ: Thực hiện kiên cố hoá hệ thống chợ, phấn đấu đến năm 2015 cơ bản xoá các chợ tạm; hình thành và phát triển mạng lưới chợ theo chức năng như chợ đầu mối tiêu thụ nông sản; ưu tiên phát triển mạng lưới chợ trung tâm huyện, trung tâm cụm xã, chợ vùng cao, biên giới.

- Đầu tư xây dựng công trình chợ trung tâm thị trấn huyện, chợ văn hoá du lịch dịch vụ Cốc San, Quang Kim, Mường Vi, Cốc Mỳ, A Mú Sung; chợ mua bán gia súc Mường Hum, Dèn Sáng, Ý Tý.

- Giai đoạn 2016 - 2020, cải tạo nâng cấp các chợ đang hoạt động, phát triển thêm chợ mới đảm bảo ít nhất mỗi xã có 01 chợ đạt tiêu chuẩn.

## **6. Quy hoạch lò giết mổ gia súc, gia cầm**

Đến năm 2012, xây dựng các lò giết mổ gia súc, gia cầm ở khu vực ngoại ô của thị trấn Bát Xát. Đến năm 2020, xây dựng một số lò giết mổ ở các thị trấn, thị tứ, trung tâm cụm xã có điều kiện.

## **7. Phương hướng tổ chức không gian phát triển du lịch**

- Phát triển tuyến du lịch trung tâm: Thị trấn Bát Xát - Quận thẻ hang động Mường Vi.

- Hình thành 2 tuyến du lịch với các điểm du lịch nổi tiếng trên địa bàn tỉnh: Tuyến du lịch Mường Hum - Ý Tý - Lũng Pô đi Bản Khoang (Sa Pa) và tuyến du lịch Mường Vi - San Lùng (Bản Xèo) - Trịnh Tường đi Sa Pa.

## **V. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH**

### **1. Giải pháp về vốn đầu tư phát triển**

- Tăng thu thuế và phí vào ngân sách. Ngoài việc thu theo luật định, cần chống thất thu thuế và phí, nuôi dưỡng nguồn thu và tạo nguồn thu mới.

- Đa dạng hóa các hình thức huy động và tạo vốn trong huyện, đặc biệt là huy động tối đa nguồn lực sẵn có của huyện và vốn của các tập đoàn, doanh nghiệp lớn.

- Khai thác tối đa nguồn vốn đầu tư, hỗ trợ của tỉnh và Trung ương vào phát triển các ngành quan trọng và có lợi thế.

- Tạo thêm nguồn vốn từ quỹ đất để bổ sung thêm vào nguồn vốn ngân sách thông qua việc thực hiện cơ chế đấu giá quyền sử dụng đất để thu hút các nguồn vốn vào xây dựng kết cấu hạ tầng, cụm TTCN...

### **2. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực**

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, trong đó xác định cơ cấu, cấp bậc đào tạo đáp ứng nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

- Lập kế hoạch, hỗ trợ tích cực và mở rộng hơn nữa việc đào tạo đội ngũ doanh nhân.

- Thực hiện có hiệu quả chính sách thu hút cán bộ kinh tế, khoa học kỹ thuật, các chuyên gia giỏi, công nhân lành nghề, các nghệ nhân về huyện.

- Mở rộng hợp tác, liên kết với các cơ sở đào tạo có uy tín để đào tạo lao động kỹ thuật lành nghề.

- Trẻ hóa đội ngũ cán bộ quản lý ngành, tạo điều kiện tham quan, học tập, giao lưu để kịp thời nắm bắt các thông tin về thị trường, công nghệ...

- Đẩy mạnh công tác xã hội hoá về giáo dục, huy động mọi nguồn lực trong xã hội để phát triển đào tạo nghề và giáo dục.

### **3. Giải pháp phát triển khoa học - công nghệ và bảo vệ môi trường**

- Khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn tập trung đầu tư cải tiến công nghệ sản xuất.

- Đầu tư phát triển khoa học và công nghệ, tạo ra bước đột phá về năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa. Giải quyết căn bản được các vấn đề về giống cây trồng vật nuôi có năng suất, chất lượng cao.

- Liên kết các viện nghiên cứu, các trường đại học, hỗ trợ kinh phí cho các công trình nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp trên địa bàn.

- Kết hợp chặt chẽ giữa đổi mới công nghệ và bảo vệ môi trường. Cần có quy hoạch chung về hệ thống xử lý rác thải công nghiệp và rác sinh hoạt.

- Chú trọng bảo vệ và phát triển vốn rừng bao gồm cả rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng đặc dụng, rừng kinh tế... Có kế hoạch cải tạo đất, chống xói mòn, bạc màu, đẩy mạnh các biện pháp cải tạo và làm giàu đất.

- Có quy chế để bảo vệ môi trường đô thị, các khu dân cư tập trung, các nhà máy công nghiệp, cụm TTCN.

### **4. Giải pháp tăng cường hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước**

- Thực hiện tốt nhóm chính sách về phát triển nông nghiệp như: Khuyến khích đầu tư vào sản xuất giống, phát triển chăn nuôi đại gia súc, nuôi trồng thuỷ sản và cây trồng có giá trị kinh tế cao; khuyến khích đầu tư phát triển và nâng cao chất lượng và giá trị kinh tế rừng...

- Thực hiện tốt nhóm chính sách về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp như: Khuyến khích đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ cho phát triển công nghiệp; khuyến khích đầu tư phát triển nguồn nguyên liệu ổn định và vững chắc cho công nghiệp chế biến...

- Thực hiện tốt nhóm chính sách về phát triển xã hội như: Đẩy mạnh quá trình xã hội hoá giáo dục - đào tạo, y tế, xoá đói giảm nghèo, xây dựng thôn bản, đời sống văn hoá, đào tạo, thu hút nguồn nhân lực...

### **5. Các giải pháp tăng cường xoá đói, giảm nghèo**

- Thực hiện tốt các chính sách, biện pháp trợ giúp phát triển kinh tế và tiếp cận các dịch vụ xã hội cho người nghèo.

- Nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo và đào tạo nghề nhằm tạo thuận lợi cho người nghèo tham gia vào thị trường lao động.

- Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách xã hội như chăm sóc người có công, bảo trợ xã hội, phòng chống tai tệ nạn xã hội...

## **6. Giải pháp tăng cường mở rộng kinh tế đối ngoại**

- Hợp tác trong lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển đô thị: Phối hợp xây dựng các tuyến giao thông, hệ thống thuỷ lợi.
- Hợp tác trong lĩnh vực quy hoạch, đầu tư xây dựng các cụm TTCN, cung cấp dịch vụ, nguồn nguyên liệu và thị trường.
- Hợp tác về trao đổi thông tin và xúc tiến thương mại, tổ chức các cuộc hội chợ, triển lãm; phối hợp tuyên truyền và quảng bá du lịch.
- Hợp tác trong tìm kiếm thị trường tiêu thụ hoặc xuất khẩu nông sản hàng hoá, sản xuất giống cây trồng và con vật nuôi chất lượng cao.
- Hợp tác trong đào tạo đại học, đào tạo nghề cho người lao động.

## **7. Tăng cường an ninh - quốc phòng**

- Thực hiện tốt chiến lược quốc phòng - an ninh; phát động phong trào quần chúng nhân dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc; kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo an ninh - quốc phòng.
- Tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật trong cán bộ, nhân dân; trấn áp và xử lý các loại tội phạm. Đẩy mạnh công tác nắm bắt tình hình cơ sở, công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo của nhân dân nhằm tạo niềm tin và môi trường xã hội an toàn, trong sạch.

# **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT QUY HOẠCH**

## **1. Tổ chức công bố, phổ biến Quy hoạch**

Tổ chức công bố, phổ biến Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Bát Xát đến 2020 cho các cấp ủy Đảng và chính quyền, các ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và nhân dân trên địa bàn.

## **2. Xây dựng chương trình hành động và xúc tiến đầu tư**

- Tổ chức giới thiệu, quảng bá về tiềm năng, lợi thế, các dự án ưu tiên đầu tư trong các dịp mời gọi, xúc tiến đầu tư để các nhà đầu tư tìm đến và đầu tư.
- Xây dựng một số chương trình sản phẩm chủ lực và tổ chức thực hiện một cách nghiêm túc, tạo động lực mới cho phát triển sản xuất - kinh doanh của nhân dân. Đồng thời có các chính sách thực sự khuyến khích, ưu đãi đối với việc phát triển sản xuất và kinh doanh các sản phẩm chủ lực này về thị trường vốn.
- Từng bước cụ thể hóa công tác quy hoạch và đưa vào các kế hoạch 5 năm, hàng năm để thực hiện. Tùy theo sự thay đổi của tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ, tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch kịp thời cho phù hợp với quá trình phát triển.

**Điều 2.** Giao UBND huyện Bát Xát căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện nêu trong Quy hoạch, phối hợp với các sở, ban,

ngành liên quan chỉ đạo việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện theo quy định các nội dung sau:

1. Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp xã, phường; quy hoạch phát triển hệ thống đô thị và các điểm dân cư; quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch phát triển các ngành, các lĩnh vực để bảo đảm sự phát triển tổng thể và đồng bộ.

2. Lập các kế hoạch 5 năm, hàng năm; các chương trình phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội trọng điểm; các dự án cụ thể để tập trung đầu tư, bố trí ưu tiên đầu tư một cách hợp lý.

3. Nghiên cứu xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển của huyện trong từng giai đoạn, nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để thực hiện Quy hoạch.

**Điều 3.** Giao các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của mình, hỗ trợ UBND huyện Bát Xát nghiên cứu lập các quy hoạch nêu tại Điều 1 Điều 2; nghiên cứu xây dựng và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện Bát Xát trong từng giai đoạn nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, khuyến khích, thu hút đầu tư để bảo đảm thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện nêu trong Quy hoạch. Đẩy nhanh việc đầu tư, thực hiện các công trình, dự án có quy mô, tính chất vùng và quan trọng đối với sự phát triển của huyện Bát Xát đã được quyết định đầu tư. Nghiên cứu, xem xét điều chỉnh, bổ sung vào các quy hoạch phát triển ngành, kế hoạch đầu tư các công trình, dự án liên quan dự kiến sẽ được đầu tư nêu trong Quy hoạch.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Bát Xát; Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

**Nguyễn Văn Vịnh**

**DANH MỤC****CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ  
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN BÁT XÁT ĐẾN NĂM 2020***(Kèm theo Quyết định số: 430/QĐ-UBND ngày 24/02/2011 của UBND tỉnh Lào Cai)*

| <b>STT</b> | <b>Danh Mục</b>   |
|------------|---|
| <b>A</b>   | <b>TRỤ SỞ LÀM VIỆC</b>  |
| <b>I</b>   | <b>Cải tạo, nâng cấp và mở rộng</b>                                       |
| 1          | Nhà làm việc + Ngoại thất UBND xã Trịnh Tường                             |
| 2          | Nhà làm việc + Ngoại thất UBND xã A Mú Sung                               |
| 3          | Nhà làm việc + Ngoại thất UBND xã A Lù                                    |
| 4          | Nhà làm việc + Ngoại thất UBND xã Ngải Thầu                               |
| 5          | Nhà làm việc + Ngoại thất UBND xã Mường Hum                               |
| 6          | Nhà làm việc + Ngoại thất UBND xã Nậm Pung                                |
| 7          | Nhà làm việc + Ngoại thất UBND xã Pa Cheo                                 |
| 8          | Nhà làm việc + Ngoại thất UBND xã Bản Xèo                                 |
| 9          | Nhà làm việc + Ngoại thất UBND xã Cốc San                                 |
| 10         | Nhà làm việc + Ngoại thất UBND xã Tòng Sành                               |
| 11         | Nhà làm việc + Ngoại thất UBND xã Nậm Chạc                                |
| 12         | Nhà làm việc + Ngoại thất UBND xã Phìn Ngan                               |
| 13         | Nhà làm việc + Ngoại thất UBND xã Cốc Mỳ                                  |
| 14         | Nhà làm việc + Ngoại thất UBND xã Ý Tý                                    |
| 15         | Nhà làm việc + Ngoại thất UBND xã Dền Sáng                                |
| 16         | Nhà làm việc + Ngoại thất UBND xã Sàng Ma Sáo                             |
| 17         | Nhà làm việc + Ngoại thất UBND xã Dền Thàng                               |
| 18         | Nhà làm việc + Ngoại thất UBND xã Trung Lèng Hồ                           |
| <b>II</b>  | <b>XÂY DỰNG MỚI</b>   |
| 1          | Trụ sở UBND xã Bản Qua  |
| 2          | Trụ sở UBND xã Mường Vi   |
| 3          | Nhà tiếp dân UBND huyện   |
| 4          | Trụ sở Ban Quản lý DA CTXDCB  |
| 5          | Nhà Hợp khối các cơ quan Y tế (Phòng Y tế)                                |
| 6          | Nhà Hợp khối các cơ quan, đoàn thể  |
| 7          | Nâng cấp Nhà hợp khối các cơ quan nông, lâm nghiệp                        |
| 8          | Các công trình phụ trợ của Huyện ủy (nhà công vụ, sửa chữa lớn trụ sở...) |

|          |  |
|----------|--|
| <b>B</b> | <b>QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ</b>                           |
| 1        | Quy hoạch Trung tâm xã Mường Vi                              |
| 2        | Quy hoạch Trung tâm xã Cốc Mỳ                                |
| 3        | Điều chỉnh Quy hoạch TT xã Bản Xèo                           |
| 4        | Điều chỉnh Quy hoạch TT cụm xã Ý Tý                          |
| 5        | Điều chỉnh mở rộng Quy hoạch TT xã Cốc San                   |
| 6        | Điều chỉnh quy hoạch mở rộng TT Bát Xát (khu vực Châu Giàng) |
| 7        | Quy hoạch Trung tâm xã Dền Sáng                              |
| 8        | Quy hoạch Trung tâm xã Nậm Chạc                              |
| 9        | Quy hoạch Trung tâm xã A Mú Sung                             |
| 10       | Quy hoạch Trung tâm xã A Lù                                  |
| 11       | Quy hoạch Trung tâm xã Ngải Thầu                             |
| 12       | Quy hoạch Trung tâm xã Pa Cheo                               |
| 13       | Quy hoạch Trung tâm xã Dền Thàng                             |
| 14       | Quy hoạch Trung tâm xã Sàng Ma Sáo                           |
| 15       | Quy hoạch Trung tâm xã Trung Lèng Hồ                         |
| 17       | Quy hoạch Trung tâm xã Phìn Ngan                             |
| 18       | Quy hoạch Trung tâm xã Tòng Sành                             |
| 19       | Quy hoạch Trung tâm xã Nậm Pung                              |
| 20       | Điều chỉnh Quy hoạch TT cụm xã Mường Hum                     |
| 21       | Điều chỉnh Quy hoạch TT cụm xã Trịnh Tường                   |
| 22       | Điều chỉnh Quy hoạch TT cụm xã Bản Vược                      |
| 23       | Điều chỉnh Quy hoạch TT thị trấn Bát Xát                     |
| <b>C</b> | <b>GIAO THÔNG</b>  |
| <b>I</b> | <b>Xây dựng cầu</b>  |
| 1        | Cầu Tả Trang   |
| 2        | Cầu Tả Trang 2   |
| 3        | Cầu Nậm Pèn 2  |
| 4        | Cầu Ky Quan San  |
| 5        | Cầu Kin Chu Phìn 1   |
| 6        | Cầu Kin Chu Phìn 2   |
| 7        | Cầu Kin Sáng Hồ  |
| 8        | Cầu Ngải Chò   |
| 9        | Cầu Tô 10  |
| 10       | Cầu Piềng Láo  |

|            |   |
|------------|---|
| 11         | Cầu Vi Phái                             |
| 12         | Cầu Thành Sơn                           |
| 13         | Cầu Lò Suối Tủng                        |
| 14         | Cầu Sủng Hoảng                          |
| 15         | Cầu Láo Vàng Chải                       |
| 16         | Cầu Suối Thầu 2                         |
| <b>II</b>  | <b>Đường huyện</b>                      |
| 1          | Đường Mường Hum - Nậm Pung (ĐH 88)      |
| 2          | Đường Mường Hum - Trung Lèng Hồ (ĐH 89) |
| 3          | Đường Tả Ngǎo (ĐH 84)                   |
| 4          | Đường vào xã Tòng Sành (ĐH 81)          |
| 5          | Đường Quang Kim - Cốc San (ĐH 82)       |
| 6          | Đường Quang Kim - Phìn Ngan (ĐH 83)     |
| 7          | Đường Bản Qua - Tả Ngǎo (ĐH 84)         |
| 8          | Đường Thành Sơn - Ngòi Phát (ĐH 86)     |
| 9          | Đường Tả Lèng - Tả Pa Cheo (ĐH 85)      |
| 10         | Đường Dền Sáng - Nhìu Cồ San (ĐH 89)    |
| 11         | Đường Nậm Cáng - Tung Qua (ĐH 90A)      |
| 12         | Đường Trịnh Tường - Nậm Chạc (ĐH 90B)   |
| <b>III</b> | <b>Đường giao thông nông thôn</b>       |
| 1          | Đường tới 15 thôn xã Bản Qua            |
| 2          | Đường tới 7 thôn xã Bản Vược            |
| 3          | Đường tới 11 thôn xã Cốc Mỳ             |
| 4          | Đường tới 3 thôn xã Cốc San             |
| 5          | Đường tới các thôn xã Quang Kim         |
| 6          | Đường tới 15 thôn xã Trịnh Tường        |
| 7          | Đường tới 5 thôn xã Bản Xèo             |
| 8          | Đường tới 4 thôn xã A Lù                |
| 9          | Đường tới 5 thôn xã A Mú Sung           |
| 10         | Đường đi Ngải Chò 2 xã Dền Sáng         |
| 11         | Đường tới 6 thôn xã Dền Thàng           |
| 12         | Đường tới 6 thôn xã Mường Vi            |
| 13         | Đường tới 6 thôn xã Nậm Chạc            |
| 14         | Đường tới 5 thôn xã Nậm Pung            |
| 15         | Đường tới 4 thôn xã Ngải Thầu           |

|          |  |
|----------|--|
| 16       | Đường tới 4 thôn xã Pa Cheo              |
| 17       | Đường tới 10 thôn xã Phìn Ngan           |
| 18       | Đường tới 6 thôn xã Sàng Ma Sáo          |
| 19       | Đường tới 4 thôn xã Tòng Sành            |
| 20       | Đường tới 5 thôn xã Trung Lèng Hồ        |
| 21       | Đường tới 9 thôn xã Ý Tý                 |
| 22       | Đường tới 6 thôn xã Mường Hum            |
| 23       | 4 nhánh đường thị trấn Bát Xát           |
| <b>D</b> | <b>MẠNG LUỐI ĐIỆN</b>                    |
| 1        | Cấp điện 4 thôn xã A Mú Sung             |
| 2        | Cấp điện 2 thôn xã Bản Xèo               |
| 3        | Cấp điện 4 thôn xã Cốc Mỳ                |
| 4        | Cấp điện thôn Luồng Giang xã Cốc San     |
| 5        | Cấp điện thôn Trung Trải xã Dền Sáng     |
| 6        | Cấp điện 2 thôn xã Dền Thàng             |
| 7        | Cấp điện 3 thôn xã Mường Hum             |
| 8        | Cấp điện thôn Dao xã Mường Vi            |
| 9        | Cấp điện 5 thôn xã Nậm Chạc              |
| 10       | Cấp điện 3 thôn xã Nậm Pung              |
| 11       | Cấp điện 9 thôn xã Phìn Ngan             |
| 12       | Cấp điện 10 thôn xã Sàng Ma Sáo          |
| 13       | Cấp điện 3 thôn xã Tòng Sành             |
| 14       | Cấp điện 12 thôn xã Trịnh Tường          |
| 15       | Cấp điện thôn Pờ Hồ Cao xã Trung Lèng Hồ |
| 16       | Cấp điện 5 thôn xã Ý Tý                  |
| <b>E</b> | <b>MẠNG LUỐI CHỢ</b>                     |
| 1        | Chợ thị trấn Bát Xát                     |
| 2        | Chợ Cốc San                              |
| 3        | Chợ Quang Kim                            |
| 4        | Chợ Bản Qua                              |
| 5        | Chợ Cốc Mỳ                               |
| 6        | Chợ Bản Vược                             |
| 7        | Chợ Trịnh Tường                          |
| 8        | Chợ Dền Sáng                             |
| 9        | Chợ Tùng Sáng - A Mú Sung                |

|          |  |
|----------|--|
| 10       | Chợ Ý Tý   |
| 11       | Chợ Bản Xèo  |
| 12       | Chợ Mường Hum  |
| 13       | Chợ A Lù   |
| 14       | Chợ Mường Vi   |
| 15       | Chợ Phìn Ngan  |
| 16       | Chợ Tòng Sành  |
| 17       | Chợ Nậm Pung   |
| 18       | Chợ Trung Lèng Hồ  |
| 19       | Chợ Dền Thàng  |
| 20       | Chợ Nậm Chạc   |
| 21       | Chợ Ngải Thầu  |
| 22       | Chợ Sàng Ma Sáo  |
| 23       | Xây dựng Trung tâm thương mại tại thị trấn huyện           |
| 24       | Xây dựng các lò mổ gia súc, gia cầm ở các trung tâm cụm xã |
| <b>F</b> | <b>CÔNG NGHIỆP</b>   |
| 1        | Thuỷ điện Tà Lơi 3   |
| 2        | Thuỷ điện Chu Linh   |
| 3        | Thủy điện Mường Hum  |
| 4        | Thuỷ điện Phố Cũ (Bản Vược)                                |
| 5        | Thuỷ điện Trịnh Tường                                      |
| 6        | Thuỷ điện Nậm Chạc   |
| 7        | Thuỷ điện Sim San  |
| 8        | Hoàn thiện cụm TTCN Bản Vược                               |
| 9        | Đầu tư xây dựng 03 cụm TTCN                                |
| <b>G</b> | <b>NÔNG NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ CẤP NƯỚC SINH HOẠT</b>         |
| 1        | Mương Bà Cau - Gốc Đa                                      |
| 2        | Thuỷ lợi Cốc Lầy - Tòng Chú 2                              |
| 3        | Thuỷ lợi An San  |
| 4        | Thủy lợi Luồng Đơ  |
| 5        | Thuỷ lợi ông Sử  |
| 6        | Thuỷ lợi Cốc Nún - Cún Trà                                 |
| 7        | Thuỷ lợi Ná Vảng - Bà Vành                                 |
| 8        | Thuỷ lợi Tòng Trú - Ná Suối                                |
| 9        | Thuỷ lợi Ná Tiêu - Nậm Chỏn                                |

|    |   |
|----|---|
| 10 | Thuỷ lợi Xăng Co - Ná Tám   |
| 11 | Thuỷ lợi Vi Kẽm   |
| 12 | Thuỷ lợi ông Hồng   |
| 13 | Thuỷ lợi Bản Trang  |
| 14 | Thuỷ lợi Kỷ Rừng Mô   |
| 15 | Thuỷ lợi Sơn Hà   |
| 16 | Thuỷ lợi Tân Giang  |
| 17 | Thủy lợi Pờ Sì Ngài   |
| 18 | Thủy lợi Hán Nắng   |
| 19 | Thủy lợi Kim Sáng Hồ  |
| 20 | Thủy lợi Bản Giàng  |
| 21 | Thủy lợi Đội 1 + 2 + 5 + 7 + 11 + 12 + 13   |
| 22 | Thủy lợi Cán Tỷ   |
| 23 | Thủy lợi Bản Mạc  |
| 24 | Thủy lợi Nà Nặc   |
| 25 | Thủy lợi Kin Chu Phìn   |
| 26 | Thủy lợi Sín Chải   |
| 27 | Cấp nước tập trung xã Bản Vược  |
| 28 | Hệ thống đường  |
| 29 | Hệ thống thoát nước   |
| 30 | Sân vận động, nhà văn hóa trung tâm   |
| 31 | Nhà thi đấu   |
| 32 | Nghĩa trang nhân dân  |
| 33 | Đầu tư cơ sở hạ tầng (cụm công nghiệp)  |
| 34 | Quy hoạch nông thôn mới   |
| 35 | Xây dựng và đầu tư các xã theo chi tiết đã được phê duyệt theo tiêu chí nông thôn mới |
| 36 | Nâng cấp hệ thống thủy nông (Bản Qua)   |
| 37 | Thủy lợi Trà Pà (Nhiều Cồ San)  |
| 38 | Thủy lợi Pờ Hồ Cao  |
| 39 | Thủy lợi Hồng Ngài  |
| 40 | CN SH Tả Lé - Nậm Pung  |
| 41 | CN SH Khu Chu Phìn 2  |
| 42 | CN SH thôn Làng Mới   |
| 43 | Làm Mới CT- CN SH thôn Bản Qua  |
| 44 | Cấp nước sinh hoạt Suối Thầu II   |
| 45 | NC CNSH thôn Na Đoong   |
| 46 | NC CNSH Dèn Thàng   |

|            |  |
|------------|--|
| 47         | NC CNSH thôn Nà Lặc  |
| <b>H</b>   | <b>CƠ SỞ HẠ TẦNG ĐÔ THỊ (đường giao thông, cấp nước sinh hoạt, thoát nước, cáp điện, chiếu sáng đô thị...)</b> |
| 1          | Thị trấn Bát Xát   |
| 2          | Trung tâm cụm xã Bản Vược  |
| 3          | Trung tâm cụm xã Trịnh Tường   |
| 4          | Trung tâm cụm xã Mường Hum   |
| 5          | Trung tâm cụm xã Ý Tý  |
| 6          | Trung tâm xã Cốc San   |
| 7          | Trung tâm xã Quang Kim   |
| 8          | Trung tâm xã Bản Qua   |
| 9          | Trung tâm xã Bản Xèo   |
| <b>I</b>   | <b>GIÁO DỤC – ĐÀO TẠO</b>  |
| 1          | Xây dựng 13 trường mầm non   |
| 2          | Xây dựng mới 19 trường tiểu học  |
| 3          | Xây dựng mới 18 trường trung học cơ sở   |
| 4          | Trường PT Dân tộc Nội trú (cấp 3)  |
| 5          | Trường PTTH Mường Hum  |
| 6          | Đầu tư hoàn chỉnh Trung tâm Dạy nghề huyện   |
| <b>XIV</b> | <b>Y TẾ</b>  |
| 1          | Trạm Y tế Cốc San  |
| 2          | Trạm Y tế thị trấn   |
| 3          | Trạm Y tế Mường Vi   |
| 4          | Nâng cấp Trạm Y tế Cốc Mỳ  |
| 5          | Trạm Y tế Tòng Sành  |
| 6          | Trạm Y tế Dền Sáng   |
| <b>XV</b>  | <b>VĂN HÓA - THỂ DỤC, THỂ THAO</b>   |
| 1          | Nhà văn hóa TT xã  |
| 2          | Trung tâm thể dục, thể thao huyện  |
| 3          | Sân bóng đá mini ở TT xã   |
| 4          | Nhà văn hóa thôn, bản ở các xã   |
| 5          | Hệ thống mạng nội bộ và Internet   |

\* **Ghi chú:** Về vị trí, quy mô, diện tích chiếm đất, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tuỳ thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động các nguồn lực của từng thời kỳ.